

6 DẠNG TOÁN ÔN TẬP TOÁN LỚP 2

DẠNG 1: Đọc, viết, so sánh số trong phạm vi 1000

1. *Viết:*

a) Cách đọc số: **321**: ba trăm hai mươi một

692:..... ; **503**:.....;

543: ; **253**: ;

555: ; **710**:

b) Các số có 2 chữ số, chữ số hàng đơn vị kém hơn chữ số hàng chục là **3**:

.....

c) Các số có 2 chữ số, tổng 2 chữ số là **4**:

.....

d) Số có 2 chữ số, tận cùng là **5**, lớn hơn **10** và nhỏ hơn **80**:

.....

2. *Tìm:*

- Số liền trước của **400**:..... ; Số liền sau của **300**:

- Tổng của 2 số vừa tìm được:..... ; Hiệu của 2 số vừa tìm được:.....

- Tổng của **59** và số liền trước của nó:

3. *Điền số thích hợp vào chỗ trống:*

a) 384, 385,,, 388,, 390,,

b) 2, 4, 6, 8,,,, ,

c) 30, 35, 40,,,

d) 77, 66, 55,, ,,,

4. *Sắp xếp các số sau: 152, 381, 962, 704, 417, 629*

- Theo thứ tự từ lớn đến

bé:.....

- Theo thứ tự từ bé đến

lớn:.....

5. *Cho các chữ số: 2, 9, 0, 4*

a) Lập các số có 3 chữ số từ các số trên:

.....

DẠNG 2: CỘNG, TRỪ, NHÂN, CHIA TRONG PHẠM VI 1000

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$36 + 46$

$456 + 33$

$90 - 45$

$658 - 432$

$225 + 461$

$90 - 14$

$859 - 725$

$45 + 38$

$425 + 321$

$70 - 16$

$859 - 725$

$48 + 37$

$745 - 425$

$46 + 54$

$284 + 415$

$95 - 37$

$37 + 56$

$70 + 319$

$96 - 48$

$965 - 203$

$49 + 37$

$70 + 227$

$84 - 29$

$975 - 563$

$76 + 17$

$425 + 312$

$100 - 37$

$689 - 75$

Bài 2: Tính:

$42 - 15 + 38$

=.....

=

$18 + 56 - 29$

=

=

$22 - 15 + 36$

=.....

=

$11 - 6 + 77$

=.....

=

$3 \times 0 + 6$

=.....

=

$5 \times 4 + 10$

=

=

$28 : 4 + 23$

=.....

=

$3 \times 9 + 22$

=.....

=

$5 \times 6 + 10$

=.....

=

$5 \times 6 + 18$

=

=

$5 \times 0 + 12$

=.....

=

$12 : 3 \times 1$

=.....

=

$60 : 2 + 38$

=.....

=

$20 \times 5 - 29$

=

=

$10 \times 4 + 36$

=.....

=

$60 : 3 + 16$

=.....

=

$0 : 2 + 38$

=.....

=

$18 : 3 - 2$

=

=

$0 : 5 + 36$

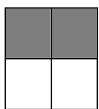
=.....

=

$28 : 4 + 77$

=.....

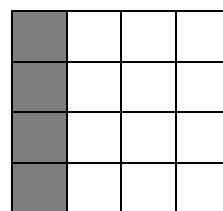
=

Bài 3: Hình nào đã tô màu $\frac{1}{4}$ số ô vuông:

A



B



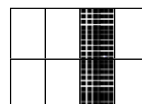
C

Bài 4: Hình nào đã tô màu $\frac{1}{5}$ số ô vuông :

A



B



C

DẠNG 3: ĐẠI LƯỢNG

Bài 1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

$1\text{m} = \dots\dots\dots \text{dm}$

$1\text{dm} = \dots\dots\dots \text{mm}$

$1\text{m} = \dots\dots\dots \text{cm}$

$1\text{cm} = \dots\dots\dots \text{mm}$

$8\text{m } 5\text{dm} = \dots\dots\dots \text{dm}$

$78\text{ cm} = \dots\dots \text{dm } \dots\dots \text{cm}$

$48\text{dm} = \dots\dots\dots \text{cm}$

$25\text{m} = \dots\dots\dots \text{dm}$

$1\text{km} = \dots\dots\dots \text{m}$

$4\text{dm } 4\text{cm} = \dots\dots\dots \text{cm}$

$1\text{m} = \dots\dots\dots \text{mm}$

$2\text{cm } 1\text{mm} = \dots\dots\dots \text{mm}$

Bài 2: Tính

a. $2\text{ giờ} + 5\text{ giờ} = \dots\dots\dots$; $12\text{ giờ} + 9\text{ giờ} = \dots\dots\dots$; $19\text{ giờ} + 2\text{ giờ} = \dots\dots\dots$

b. $18\text{ giờ} - 15\text{ giờ} = \dots\dots\dots$; $20\text{ giờ} - 12\text{ giờ} = \dots\dots\dots$; $24\text{ giờ} + 19\text{ giờ} = \dots\dots\dots$

$91 : 3 = \dots\dots;$

$271 : 3 = \dots\dots\dots ;$

$51 \times 5 = \dots\dots;$

$41 \times 9 = \dots\dots ;$

$25\text{ kg} : 5 = \dots\dots;$

$15\text{ kg} : 3 = \dots\dots;$

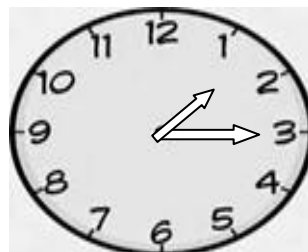
Bài 3: Cho biết đồng hồ chỉ mấy giờ?



.....



.....



.....

Bài 4. Điền vào chỗ trống theo mẫu:

Mẫu: 10 giờ đêm là 22 giờ.

a) 8 giờ tối là.....

b) 4 giờ chiều là.....

c) 13 giờ là.....

d) 20 giờ là.....

e) 10 giờ tối là.....

g) 18 giờ là.....

DẠNG 4: TÌM THÀNH PHẦN CHƯA BIẾT CỦA PHÉP TÍNH

Bài 1: Điền số thích hợp vào ô trống:

Thừa số	2	3	2		3	3
Thừa số	7	5		3	7	
Tích			16	12		15

Số bị chia	15		20		12	
Số chia	3	3		4	3	3
Thương		5	5	5		4

Bài 2: Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm

$45 + \dots = 56$

$\dots + 80 = 100$

$\dots + 15 = 72$

$\dots - 12 = 79$

$\dots - 20 = 48$

$\dots - 17 = 80$

$17 - \dots = 12$

$29 - \dots = 24$

$97 - \dots = 36$

$\dots \times 3 = 12$

$\dots \times 3 = 27$

$\dots \times 5 = 25$

$\dots : 4 = 4$

$\dots : 5 = 5$

$\dots : 3 = 2$

$4 \times \dots = 24$

$3 \times \dots = 21$

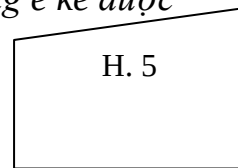
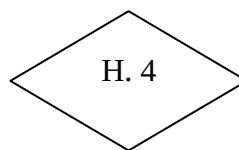
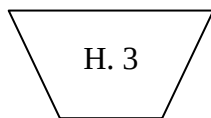
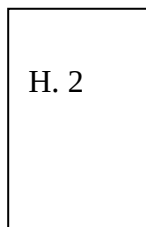
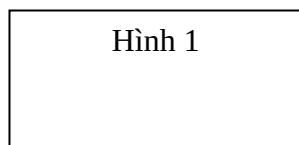
$5 \times \dots = 25$

DẠNG 5: HÌNH HỌC

1. Hình chữ nhật – Hình tứ giác

Hình tứ giác là hình có 4 cạnh và 4 góc.

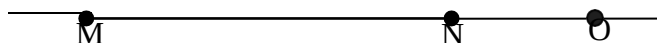
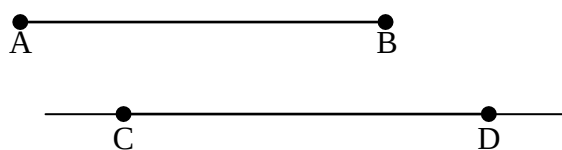
Hình chữ nhật là hình tứ giác đặc biệt vì có 4 góc vuông bằng nhau, 2 cạnh dài bằng nhau, 2 cạnh ngắn bằng nhau. (Chú thích: góc vuông là góc mà khi đo bằng ê ke được 90 độ)



Hình 1, 2 là hình chữ nhật.

Hình 3, 4, 5 là hình tứ giác.

2. Đường thẳng

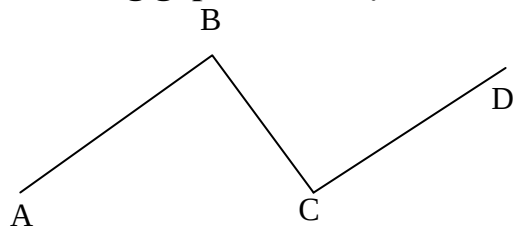


Ta có: Đoạn thẳng AB. (đoạn thẳng bị giới hạn bởi 2 đầu mút)

Đường thẳng CD. (đoạn thẳng được kéo dài về 2 phía gọi là đường thẳng)

Ba điểm M, N, O cùng nằm trên 1 đường thẳng. M, N, O là ba điểm thẳng hàng.

3. Đường gấp khúc – Độ dài đường gấp khúc



Đường gấp khúc ABCD gồm ba đoạn thẳng: AB, BC, CD

Độ dài đường gấp khúc ABCD là tổng độ dài các đoạn thẳng: $AB + BC + CD$

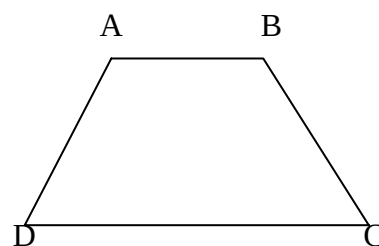
4. Chu vi hình tam giác – chu vi hình tứ giác

- Chu vi hình tam giác là tổng độ dài các cạnh của hình tam giác.

Chu vi tam giác $ABC = AB + BC + CA$

- Chu vi của tứ giác là tổng độ dài các cạnh của hình tứ giác.

Chu vi tứ giác $ABCD = AB + BC + CD + DA$



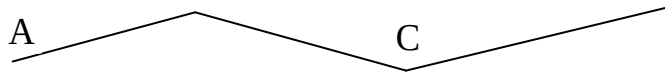
Nên **đánh số** hình đơn trước.

Đếm **hình đơn** trước, đếm **hình ghép** sau.

Đếm đoạn thẳng đơn trước, đếm đoạn thẳng ghép sau.

1	Vẽ 1 đường thẳng đi qua 2 điểm A, B Lấy điểm O để có 3 điểm A, O, B thẳng hàng	• A • B
2	Vẽ đoạn thẳng MN và đoạn thẳng PQ. Đoạn thẳng PQ và đoạn thẳng MN cắt nhau tại một điểm. Hãy ghi tên điểm đó.	P • • M N • • Q
3	Đoạn thẳng MN cắt đoạn thẳng tại điểm Đoạn thẳng NP cắt đoạn thẳng tại điểm	
4	Có hình tam giác Có hình tứ giác Có đoạn thẳng Ba điểm thẳng hàng là:,, ... ;,,,, ... ;,, ...	
5	Có hình tam giác Có hình tứ giác Có đoạn thẳng	
6	Có hình tam giác Có hình tứ giác	
7	Có hình tam giác Có hình chữ nhật Có hình tứ giác	

Bài 8: Đường gấp khúc sau có bao nhiêu đoạn thẳng?



A. 3

B. 4

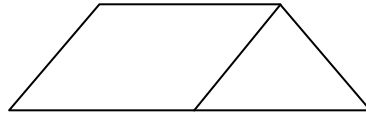
C. 5

Bài 9: Hình bên có bao nhiêu hình tứ giác ?

A. 2

B. 3

C. 4

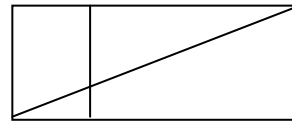


Bài 10: Trong hình bên có bao nhiêu hình chữ nhật?

A. 1

B. 2

C. 3



Bài 11: Một đường gấp khúc gồm ba đoạn thẳng, đoạn thứ nhất dài 7m, đoạn thứ hai dài 11m, đoạn thứ ba dài hơn đoạn thứ hai là 12m. Hỏi:

a) Đoạn thứ ba dài bao nhiêu mét?

b) Đường gấp khúc dài bao nhiêu mét?

.....

.....

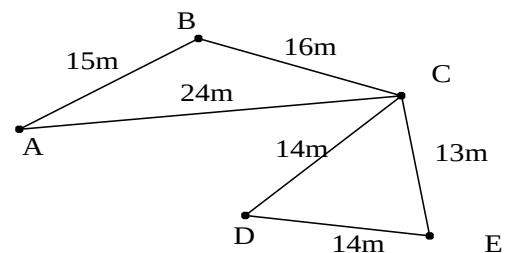
.....

.....

.....

Bài 12:

Con kiến vàng bò theo đường gấp khúc ABCE, con kiến đỏ bò theo đường gấp khúc ACDE. Tính quãng đường đi của con kiến đỏ?



.....

.....

.....

Bài 13: Tính chu vi tam giác ABC, biết độ dài các cạnh là 35mm, 27mm, 22 mm.

.....

.....

.....

Bài 14: Tính chu vi tứ giác ABCD, biết độ dài các cạnh là 12cm, 27cm, 24cm, 25cm

.....

.....

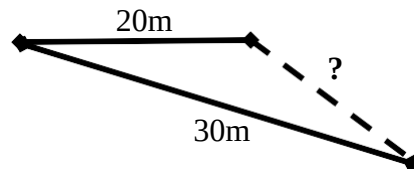
.....

Câu 15: Khu vườn hình tam giác của bác Thanh có chu vi 65m. Bác muốn rào xung quanh khu vườn. Bác đã rào được 2 cạnh (như hình vẽ).

Em tính xem bác Thanh còn phải rào bao nhiêu mét vườn nữa?

Trả lời:

- Bác Thanh còn phải rào.....m vườn nữa.



DANG 6: GIẢI TOÁN CÓ LỜI VĂN

Câu 1: Nhà trường thay thế một số bộ bàn ghế mới cho 3 lớp, mỗi lớp 5 bộ. Hỏi nhà trường thay thế được bao nhiêu bộ bàn ghế mới ?

Bài giải

[illegible]

Bài 2: Khối Hai có 9 lớp tham gia trang trí báo tường, mỗi lớp chọn 2 học sinh. Hỏi khối hai có bao nhiêu học sinh?

Bài giải

[illegible]

Bài 3: Lớp em có 45 bạn đăng kí đi học bơi. Các bạn xếp thành 5 hàng để lên xe. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu bạn?

Bài giải

[illegible]

